

ĐỀ THI CUỐI KỲ MÔN CÔNG NGHỆ JAVA

Đề số:
392

Chú ý:

Thời gian làm bài: 60 phút. Không sử dụng tài liệu.
Thí sinh không viết vào đề thi và nộp lại đề thi sau khi thi.
Điền thông tin thí sinh và mã đề thi vào giấy thi.
Chỉ lựa chọn 01 lựa chọn đúng trong mỗi câu.

1. Để truy cập vào một thuộc tính hoặc một phương thức của lớp cha, người ta có thể sử dụng từ khóa nào sau đây:

- A. virtual
- B. abstract
- C. super
- D. protected

2. Cho đoạn mã chương trình sau:

```
public class TestSuper {  
    public TestSuper() {  
        System.out.print( A );  
    }  
}  
public class TestSub extends TestSuper {  
    public TestSub() {  
        System.out.print( B );  
    }  
}  
class TestAll {  
    public static void main(String[] args) {  
        TestSuper o1 = new TestSub();  
    }  
}
```

Khi chương trình chạy sẽ in ra:

- A. AB
- B. BA
- C. A
- D. B

3. Từ khóa nào dùng để sử dụng một package:

- A. import
- B. extends
- C. using
- D. export

4. Layout nào bố trí component theo Đông, Tây, Nam, Bắc và ở giữa:

- A. GridLayout
- B. BorderLayout
- C. FlowLayout
- D. OrientationLayout

5. Kỹ thuật nào không được hỗ trợ trong lập trình hướng đối tượng Java:

- A. Đa hình
- B. Đóng gói
- C. Đơn kế thừa
- D. Đa kế thừa

6. Để khai báo một mảng các số nguyên trong Java, người ta sử dụng câu lệnh nào sau đây:

- A. int[100] s;
- B. int s[100];
- C. int[] s = new int[100];
- D. int s = new int[100];

7. Cho đoạn mã chương trình sau:

```
class A {  
    protected int method1 (int a, int b) {  
        return 0 ;  
    }  
}
```

Hãy chọn ra phương thức đúng nằm trong một lớp kế thừa từ lớp A:

- A. public int method1(int a, int b) { return 0; }
- B. private string method1(int a, long b) { return 0; }
- C. public short method1(int a, int b) { return 1000000; }

D. `protected void method1(int a, int b) { return 0; }`

8. Khi cần lưu một nhóm các phần tử không trùng lặp chúng ta có thể sử dụng :

A. **HashSet**
B. `LinkedList`
C. `TreeMap`
D. `Stack`

9. Cho đoạn mã chương trình sau:

```
public class Test{
    public Test(){
        System.out.print("1");
        new Test(10);
        System.out.print("5");
    }
    public Test(int temp){
        System.out.print("2");
        new Test(10, 20);
        System.out.print("4");
    }
    public Test(int data, int temp){
        System.out.print("3");
    }
    public static void main(String[] args){
        Test obj = new Test();
    }
}
```

Khi chương trình chạy sẽ in ra:

A. 15243
B. **12345**
C. 12453
D. 14532

10. Cho đoạn mã chương trình sau:

```
class Father {
    public void car() {
        System.out.println("Father's Car");
    }
}
class Son extends Father {
    public void car() {
        System.out.println("Son's Car");
    }
    public static void main(String[] args) {
        Father f1 = new Son();
        f1.car();
    }
}
```

Hãy chọn lựa chọn đúng:

A. In ra: "Father's car"
B. Lỗi biên dịch ở `Father f1 = new Son();`
C. **In ra: "Son's car"**
D. Không in ra gì cả

11. Chỉ định nào không thể sử dụng khi khai báo một lớp:

A. `public`
B. **`void`**
C. `final`
D. `private`

12. Collection nào cung cấp các thao tác bổ sung như chen, lấy ra và kiểm tra, có thể được sử dụng như là FIFO?

A. `Map`
B. `List`
C. **`Queue`**
D. `Deque`

13. Để tạm ngưng một Thread đang hoạt động trong khoảng thời gian 3000 milliseconds dùng phương thức nào sau đây?

A. `pause(3000);`
B. `sleep(3000);`
C. `Thread.pause(3000);`
D. **`Thread.sleep(3000);`**

14. Lớp nào được sử dụng để đọc dữ liệu dạng bytes từ file:

A. `FileReader`
B. `FileWriter`
C. **`FileInputStream`**
D. `InputStreamReader`

15. Cho đoạn mã chương trình sau:

```
interface I1 {}
interface I2 {}
class Base implements I1 {}
class Sub extends Base implements I2 {}
class Red {
    public static void main(String args[]) {
        Sub s1 = new Sub();
    }
}
```



```
I2 i2 = s1; // 1
I1 i1 = s1; // 2
Base base = s1; // 3
}
}
```

Lỗi biên dịch xảy ra tại dòng:

- A. 1
- B. 2
- C. 3

D. Không có lỗi biên dịch

16. Cho đoạn mã chương trình sau:

```
class Level1Exception extends Exception {}
class Level2Exception extends Level1Exception {}
class Level3Exception extends Level2Exception {}
class Purple {
    public static void main(String args[]) {
        int a,b,c,d,f,g,x;
        a = b = c = d = f = g = 0;
        x = 2;
        try {
            try {
                switch (x) {
                    case 1: throw new Level1Exception();
                    case 2: throw new Level2Exception();
                    case 3: throw new Level3Exception();
                }
                a++;
            }
            catch (Level2Exception e) {b++;}
            finally {c++;}
        }
        catch (Level1Exception e) { d++;}
        catch (Exception e) {f++;}
        finally {g++;}
        System.out.print(a+","+b+","+c
        +","+d+","+f+","+g);
    }
}
```

Khi chương trình chạy sẽ in ra:

- A. 0,1,1,0,0,1
- B. 0,0,0,1,0,0
- C. 0,0,1,1,0,1
- D. 1,0,1,1,0,1

17. Cho đoạn mã chương trình sau:

```
class test {
    static int m1(int x) {return ++x;}
    public static void main (String[] args) {
        int x = 1;
        int y = m1(x);
        System.out.println(x + "," + y);
    }
}
```

Khi chương trình chạy sẽ in ra:

- A. 1,1
- B. 1,2
- C. 2,1
- D. 2,2

18. Cho đoạn mã chương trình sau:

```
class A {
    A () { }
}
class B extends A { }
```

Chọn lựa chọn đúng dưới đây:

- A. A có 2 phương thức khởi tạo, một phương thức do JVM cung cấp, một phương thức tự viết
- B. B có 2 phương thức khởi tạo, một phương thức do JVM cung cấp, một phương thức tự viết
- C. Phương thức khởi tạo của lớp B có tham số
- D. Phương thức khởi tạo của lớp B chứa lời gọi đến super()

19. Sự kiện nào xảy ra khi người dùng tác động lên thanh cuộn:

- A. ActionEvent
- B. ComponentEvent
- C. AdjustmentEvent
- D. WindowEvent

20. Nhận định nào sau đây là đúng:

- A. Khi gọi phương thức start() một luồng mới sẽ được sinh ra.
- B. Bên trong phương thức start() có gọi đến phương thức run()
- C. Phương thức run() có thể được gọi trực tiếp để tạo một luồng mới

D. Cả a và b đều đúng

21. Nếu lớp B thừa kế lớp A cú pháp khai báo nào sau đây đúng:

A. class B::A{}

B. class B extends A{}

C. class B extends class A{}

D. class B implements A{}

22. Gói nào chứa các lớp và interface sử dụng cho việc vào ra dữ liệu từ file trong một chương trình:

A. java.io

B. java.lang

C. java.util

D. Tất cả các gói trên

23. Cho đoạn mã sau:

```
class Super {  
    public String getName(){  
        return "Super";  
    }  
}  
public class Sub extends Super {  
    //Thêm phương thức tại đây  
}
```

Chọn phương thức dưới đây khi đặt vào lớp Sub trong đoạn mã trên gây ra lỗi biên dịch:

A. public String getTen(){ return ""; }

B. public void getName(String str){ }

C. public String getName(){return "Sub";}

D. public void getName(){ }

24. Lớp Exception có đặc tính nào sau đây?

A. Tạo đối tượng kiểu Object

B. Tạo đối tượng bất lỗi runtime

C. Tạo đối tượng ném lỗi runtime

D. Tạo đối tượng kiểu String

25. Class nào không thể được thừa kế:

A. final class

B. object class

C. abstract class

D. public class

26. Chọn phát biểu đúng về Frame:

A. Frame giống như Panel dùng để chứa các thành phần giao diện khác.

B. Frame là một lớp có thể chứa các Container.

C. Frame được mở rộng từ lớp Container và định nghĩa một cửa sổ ứng dụng chính có thể có thanh menu.

D. Frame được mở rộng từ lớp Window và định nghĩa một cửa sổ ứng dụng chính có thể có thanh menu.

27. Cho đoạn mã chương trình sau:

```
class TestSuper {  
    TestSuper (int i) {}  
}  
class TestSub extends TestSuper {}  
class TestAll {  
    public static void main (String [] args) {  
        new TestSub();  
    }  
}
```

Hãy chọn lựa chọn đúng:

A. Lỗi biên dịch

B. Đoạn mã chạy mà không có ngoại lệ xảy ra

C. Dịch tốt, khi chạy một ngoại lệ bị ném ra ở dòng 5

D. Dịch tốt, khi chạy một ngoại lệ bị ném ra ở dòng 2

28. Lớp nào được sử dụng để ghi character ra file text:

A. FileInputStream

B. FileReader

C. FileWriter

D. FileScanner

29. Phát biểu nào đúng về LinkedList?

A. Kế thừa lớp AbstractList và triển khai các giao diện List và Deque, không duy trì thứ tự chèn.

B. Kế thừa lớp AbstractList và triển khai các giao diện List và Deque, không chứa các phần tử trùng lặp.

C. Sử dụng danh sách liên kết kép để lưu trữ các phần tử, có thể chứa các phần tử trùng lặp.

D. Sử dụng danh sách liên kết đơn để lưu trữ các phần tử, có thể chứa các phần tử trùng lặp.

30. Phương thức nào dưới đây trong lớp Thread được sử dụng để đưa 1 thread từ trạng thái ready sang running:

- A. run();
- B. execute();
- C. start(Runnable r);
- D. start();

31. Cho đoạn mã chương trình sau:

```
switch(x) {  
    default: System.out.println ("Hello");  
}
```

Chọn loại dữ liệu dưới đây không thể sử dụng để khai báo cho biến x:

- A. byte
- B. float
- C. int
- D. short

32. Trong một lớp con, phương thức nào không thể được ghi đè (override):

- A. private
- B. public
- C. static
- D. final

33. Người ta xây dựng lớp A với các phương thức và lớp B kế thừa từ lớp A. Một phương thức của B được gọi là overriding một phương thức của lớp A nếu:

- A. Có khác tên nhưng cùng bộ tham số.
- B. Có khác tên và khác bộ tham số.
- C. Có cùng tên và cùng bộ tham số.
- D. Có cùng tên và khác bộ tham số.

34. Cho đoạn mã chương trình sau:

```
class Derived{  
    public void getDetails(){  
        System.out.print("Derived class ");  
    }  
}
```

```
public class Test extends Derived{  
    public void getDetails(){  
        System.out.print("Test class ");  
        super.getDetails();  
    }  
    public static void main(String[] args){  
        Derived obj = new Test();  
        obj.getDetails();  
    }  
}
```

Khi chương trình chạy sẽ in ra:

- A. Test class Derived class
- B. Derived class
- C. Test class
- D. Lỗi khi thực thi

35. Source code của java có tên mở rộng là:

- A. .class
- B. .java
- C. .com
- D. .code

36. Hãy chọn đáp án đúng dưới đây:

- A. Mỗi quan hệ giữa một lớp và lớp cha của nó là một ví dụ cho mối quan hệ "has-a"
- B. Mỗi quan hệ giữa một lớp và lớp cha của nó là một ví dụ cho mối quan hệ "is-a"
- C. Mối quan hệ giữa một lớp và một đối tượng được tham chiếu bởi một thuộc tính bên trong lớp đó là một ví dụ cho mối quan hệ "is-a"
- D. a và b đúng

37. Cho đoạn mã chương trình sau:

```
package package01;  
public class A {  
    public void test(){  
        String s[] = new String[5];  
        System.out.print("s[0]="  
+s[0].toUpperCase());  
    }  
    public static void main(String[] args){  
        A a = new A();  
        a.test();  
    }  
}
```

Khi chương trình chạy sẽ in ra:

- A. Chương trình chạy tốt, kết quả là "s[0]="

- B. Chương trình chạy tốt, kết quả là "s[0]=null"
- C. Chương trình thông báo lỗi dịch tại dòng lệnh `System.out.print(...)`;
- D. Chương trình dịch tốt, chạy thông báo lỗi `NullPointerException`

38. Chọn ra lựa chọn không thể được ném bằng câu lệnh `throw`:

- A. Error
- B. Object
- C. RuntimeException
- D. Exception

39. Cho đoạn mã chương trình sau:

```
public class ExceptionTest {  
    class TestException extends Exception{}  
    public void runTest() throws TestException{}  
    public void test() /* im X */ {  
        runTest();  
    }  
}
```

Cần chèn thêm gì vào điểm X để đoạn mã trên có thể biên dịch thành công (không có lỗi):

- A. Không cần chèn gì
- B. `throws Exception`
- C. `catch (Exception e)`
- D. `throws RuntimeException`

40. Cho đoạn mã chương trình sau:

```
public class StringTest {  
    public static void main(String[] args){  
        String s = new String( Hello );  
    }  
}
```

Biến `s` được lưu ở vùng nhớ nào:

- A. Stack
- B. Heap
- C. StringPool
- D. Vùng nhớ ngẫu nhiên